

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

<i>Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34A</i>							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
1	Bùi Thị Lan Anh	27/05/1991	Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình			5.0	
2	Phạm Văn Bảo	20/06/1983	Xã Đoàn Thượng, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương			6.0	
3	Phạm Công Bắc	30/01/1989	Xã Hoàng Hanh, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			5.5	
4	Nguyễn Thị Bình	12/06/1990	Xã Nguyên Bình, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa			7.0	
5	Hoàng Thị Ngọc Bích	04/01/1991	Xã An Lạc, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang			6.0	
6	Nguyễn Thị Bích	29/10/1991	Xã Phạm Mệnh, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương			5.5	
7	Nguyễn Thị Bích	23/11/1991	Xã Đức Chính, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			6.5	
8	Nguyễn Văn Cẩm	30/08/1991	Xã Tân Hương, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			6.5	
9	Nguyễn Thị Chung	30/12/1991	Xã Châu Minh, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang			7.5	
10	Nguyễn Quang Công	15/06/1990	Xã Ninh Hoà, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			5.5	
11	Nguyễn Thị Cúc	03/03/1991	Xã Tây Kỳ, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			6.5	
12	Nguyễn Quang Dũng	06/04/1991	Phường Thanh Bình, Thành Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			5.5	
13	Đinh Thị Hồng Dương	03/06/1991	Phường Thanh Bình, Thành Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			6.0	
14	Phạm Thị Mỹ Dương	04/09/1991	Xã Nghĩa Trụ, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên			6.5	
15	Phạm Thuỳ Dương	02/08/1991	Xã An Viên, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên			6.0	
16	Nguyễn Xuân Độ	27/03/1991	Xã Cẩm Văn, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			7.0	
17	Lê Việt Hà	21/12/1990	Xã Quyết Thắng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			5.5	
18	Nguyễn Thị Hà	26/08/1991	Xã Việt Hưng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương			4.5	
19	Phạm Thị Hà	06/06/1991	Xã Tân Việt, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			5.5	
20	Phạm Thị Thanh Hà	26/06/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			5.5	
21	Thái Thị Hương Hà	18/08/1991	Xã Quang Trung, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			6.5	
22	Vũ Thị Vân Hà	12/04/1990	Xã Cẩm Đoài, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			6.5	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

KỶ THI THANG 00 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34A							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTTN	TN_CT	Xếp loại
23	Nguyễn Thị Hải	16/12/1991	Xã Quang Phục,Huyện Tiên Lãng,Tp Hải Phòng			6.0	
24	Nguyễn Thị Hằng	18/09/1989	Thị trấn Lai Cách,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương			5.0	
25	Nguyễn Thị Hân	26/07/1991	Xã Bắc Sơn,Huyện Sóc Sơn,Tp Hà Nội			5.0	
26	Đào Thị Thu Hiền	05/07/1991	Xã Hưng Đạo,Huyện Tiên Lữ,Tỉnh Hưng Yên			6.5	
27	Nguyễn Thị Hiền	09/08/1991	Xã Nhân Quyền,Huyện Bình Giang,Tỉnh Hải Dương			6.5	
28	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/09/1991	Xã Bằng Luân,Huyện Đuan Hùng,Tỉnh Phú Thọ			6.0	
29	Trần Danh Hiến	04/10/1991	Xã Đoàn Tùng,Huyện Thanh Miện,Tỉnh Hải Dương			6.5	
30	Nguyễn Thị Hoa	30/12/1991	Xã Tân Việt,Huyện Thanh Hà,Tỉnh Hải Dương			5.5	
31	Lương Thị Huệ	12/01/1990	Xã Liên Hoà,Huyện Kim Thành,Tỉnh Hải Dương			8.0	
32	Triệu Thị Huệ	05/09/1990	Xã Hùng Sơn,Huyện Thanh Miện,Tỉnh Hải Dương			6.5	
33	Tăng Thị Huyền	08/05/1990	Xã Quang Phong,Huyện Quế Phong,Tỉnh Nghệ An			5.0	
34	Nguyễn Thị Hương	14/07/1991	Xã Thái Tân,Huyện Nam Sách,Tỉnh Hải Dương			6.0	
35	Nguyễn Thị Hường	06/02/1990	Xã Đan Phượng,Huyện Đan Phượng,Tp. Hà Nội			6.5	
36	Nguyễn Thị Hường	01/05/1991	Xã Bồng Lai,Huyện Quế Võ,Tỉnh Bắc Ninh			5.5	
37	Lê Thị Lan	30/04/1991	Xã Cẩm Đông,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương			6.5	
38	Ngô Thị Ngọc Lan	24/10/1990	Xã Bắc Lý,Huyện Hiệp Hoà,Tỉnh Bắc Giang			5.0	
39	Hoàng Thị Lý	08/11/1991	Xã Bình Xuyên,Huyện Bình Giang,Tỉnh Hải Dương			6.0	
40	Mạc Thị Lý	20/08/1991	Xã Hiệp An,Huyện Kinh Môn,Tỉnh Hải Dương			5.0	
41	Phạm Thị Miên	15/01/1991	Xã Thanh Cường,Huyện Thanh Hà,Tỉnh Hải Dương			5.5	
42	Phạm Thị Miên	26/03/1991	Xã Quang Trung,Huyện Kinh Môn,Tỉnh Hải Dương			6.0	
43	Nguyễn Thị Mơ	18/10/1990	Xã Cẩm Sơn,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương			5.5	
44	Nguyễn Thị Thuý Ngân	10/04/1991	Huyện Gia Lộc,Tỉnh Hải Dương			5.5	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

<i>Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34A</i>						
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTNTN_CT	Xếp loại
45	Dương Thị Ngần	24/02/1990	Xã Cao An,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương		6.5	
46	Thân Thị Ngần	01/02/1989	Xã Tăng Tiến,Huyện Việt Yên,Tỉnh Bắc Giang		6.0	
47	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/12/1991	Phường Thanh Bình,Thành Phố Hải Dương,Tỉnh Hải Dương		4.0	
48	Nguyễn Thị Nhàn	08/09/1991	Xã An Bình,Huyện Nam Sách,Tỉnh Hải Dương		5.0	
49	Triệu Thị Bích Nhung	20/10/1991	Phường Tam Thanh,Thành phố Lạng Sơn,Tỉnh Lạng Sơn		6.5	
50	Tạ Thị Như	15/04/1990	Xã Đồng Tiến,Huyện Khoái Châu,Tỉnh Hưng Yên		6.0	
51	Bùi Đại Phúc	26/10/1988	Xã Thúc Kháng,Huyện Bình Giang,Tỉnh Hải Dương		5.5	
52	Trịnh Đắc Phúc	06/07/1989	Xã Phù Lương,Huyện Quế Võ,Tỉnh Bắc Ninh		6.0	
53	Nguyễn Thị Phương	21/05/1991	Xã Bồng Lai,Huyện Quế Võ,Tỉnh Bắc Ninh		6.5	
54	Trần Thị Bích Phương	26/11/1991	Xã Hợp Đức,Huyện Tân Yên,Tỉnh Bắc Giang		7.0	
55	Phạm Thị Phương	09/05/1991	Xã Vô Tranh,Huyện Lục Nam,Tỉnh Bắc Giang		6.0	
56	Đỗ Huyền Thanh	16/07/1991	Xã Danh Thắng,Huyện Hiệp Hoà,Tỉnh Bắc Giang		5.0	
57	Lê Phương Thảo	25/08/1991	Xã Xuân Phương,Huyện Phú Bình,Tỉnh Thái Nguyên		6.0	
58	Nguyễn Thị Phương Thảo	19/04/1991	Phường Thanh Bình,Thành Phố Hải Dương,Tỉnh Hải Dương		4.0	
59	Phạm Thị Phương Thảo	24/04/1991	Xã Thống Nhất,Huyện Gia Lộc,Tỉnh Hải Dương		5.5	
60	Đinh Công Thắng	04/04/1991	Phường Ngọc Châu,Thành Phố Hải Dương,Tỉnh Hải Dương		3.5	
61	Hoàng Văn Thuần	09/09/1991	Xã Song Mai,Huyện Kim Động,Tỉnh Hưng Yên		4.5	
62	Nguyễn Thị Thuý	18/05/1989	Xã Thanh Long,Huyện Yên Mỹ,Tỉnh Hưng Yên		5.0	
63	Nguyễn Thị Thuý	29/07/1991	Thị Trấn Khoái Châu,Huyện Khoái Châu,Tỉnh Hưng Yên		4.0	
64	Bùi Thị Thuý	31/01/1991	Xã Kiến Quốc,Huyện Ninh Giang,Tỉnh Hải Dương		6.0	
65	Nguyễn Thị Thuý	15/12/1991	Xã Đan Hội,Huyện Lục Nam,Tỉnh Bắc Giang		4.0	
66	Lưu Văn Tiến	17/07/1989	Xã Lương Phong,Huyện Hiệp Hoà,Tỉnh Bắc Giang		7.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34A							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
67	Trần Thuỳ Trang	19/10/1991	Xã Kim Anh,Huyện Kim Thành,Tỉnh Hải Dương			5.0	
68	Phạm Xuân Triều	02/07/1990	Xã Vĩnh Hồng,Huyện Bình Giang,Tỉnh Hải Dương			5.5	
69	Phạm Văn Triệu	12/03/1991	Xã Liên Hồng,Huyện Gia Lộc,Tỉnh Hải Dương			4.5	
70	Trần Thị Tuyền	10/07/1991	Xã Đồng Lạc,Huyện Chí Linh,Tỉnh Hải Dương			5.0	
71	Nguyễn Thuý Vân	13/10/1990	Xã Việt Hoà,Thành Phố Hải Dương,Tỉnh Hải Dương			7.0	
72	Hoàng Thị Yến	16/01/1991	Xã Quảng Nghiệp,Huyện Tứ Kỳ,Tỉnh Hải Dương			6.0	
73	Đào Hải Yến	12/09/1991	TP. Hải Dương,Tỉnh Hải Dương			6.0	
74	Triệu Thị Thương	22/02/1990	Xã An Đức,Huyện Ninh Giang,Tỉnh Hải Dương			6.0	
75	Phạm Văn Trường	10/02/1991	Xã Huyền Sơn,Huyện Lục Nam,Tỉnh Bắc Giang				
Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34B							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
1	Trần Văn Hưng	18/08/1990	Thị trấn Gia Lộc,Huyện Gia Lộc,Tỉnh Hải Dương		.0	5.5	
2	Trần Thị Phương	02/05/1990	Huyện Krông Nô,Tỉnh Đắk Nông		.0	6.5	
3	Triệu Thanh Sơn	14/11/1986	Xã Cẩm Châu,Huyện Cẩm Thủy,Tỉnh Thanh Hóa		.0	6.0	
4	Lê Ngọc An	23/02/1991	TP. Hải Dương,Tỉnh Hải Dương			4.0	
5	Lương Thị Anh	25/09/1991	Xã Giai Phạm,Huyện Yên Mỹ,Tỉnh Hưng Yên			4.5	
6	Nguyễn Thị Thuý Anh	17/04/1989	Xã Cẩm Văn,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương			7.5	
7	Trần Thị Kim Anh	01/02/1990	Xã Bãi Sậy,Huyện Ân Thi,Tỉnh Hưng Yên			6.0	
8	Vũ Thị Mai Anh	04/04/1991	Xã Xuân Cẩm,Huyện Hiệp Hoà,Tỉnh Bắc Giang			5.5	
9	Hoàng Quốc Bảo	10/02/1990	Huyện Gia Lộc,Tỉnh Hải Dương			4.0	
10	Phạm Thị Bắc	05/02/1991	Xã Cộng Hoà,Huyện Chí Linh,Tỉnh Hải Dương			6.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

<i>Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34B</i>						
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT
11	Đinh Thị Bình	30/07/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			7.5
12	Nguyễn Thị Bình	12/07/1991	Xã Minh Hưng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình			6.0
13	Nguyễn Thị Chang	23/10/1991	Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			6.0
14	Đào Thị Lệ Chi	22/07/1991	Xã Trường Thành, Huyện An Lão, Tp Hải Phòng			6.5
15	Nguyễn Thị Kim Chung	21/05/1991	Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh			5.5
16	Bùi Văn Cư	08/04/1980	Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			7.5
17	Vũ Thị Diệp	29/12/1991	Xã Cẩm Vũ, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			5.0
18	Lê Thị Diệu	06/06/1989	Xã Hoằng Lưu, Huyện Hoằng Hoá, Tỉnh Thanh Hóa			7.5
19	Nguyễn Thị Dung	19/01/1991	Xã Thất Hùng, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương			6.5
20	Phạm Thị Dung	14/06/1991	Xã Đan Hội, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			7.0
21	Hồ Thị Duyên	15/12/1991	Xã Quang Minh, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương			6.0
22	Bùi Đăng Dương	15/01/1985	Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội			6.5
23	Nguyễn Thị Dương	02/02/1991	Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			8.0
24	Đoàn Thị Hà	08/10/1991	Xã Kỳ Sơn, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			5.5
25	Vũ Thị Hoàng Hà	10/01/1992	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			7.5
26	Khúc Thị Hân	03/10/1991	Xã Lương Tài, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên			7.0
27	Phạm Thị Phương Hiền	29/12/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			6.0
28	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	23/04/1991	Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương			5.5
29	Trần Thị Hoa	20/05/1991	Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			7.0
30	Trương Thị Hoa	10/01/1990	Xã Cao Thắng, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương			5.0
31	Vương Thanh Hoa	30/08/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			4.0
32	Nguyễn Thị Khánh Hoà	16/10/1990	Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh			7.0

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34B

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTNTN_CT	Xếp loại
33	Đàm Thị Ánh Hồng	29/01/1991	Xã Tân Tiến,Huyện Văn Giang,Tỉnh Hưng Yên		5.0	
34	Bùi Thị Huế	15/11/1991	Xã Quỳnh Ngọc,Huyện Quỳnh Phụ,Tỉnh Thái Bình		6.0	
35	Phạm Thị Huệ	15/10/1990	Xã Quang Minh,Huyện Gia Lộc,Tỉnh Hải Dương		7.0	
36	Phạm Thị Huệ	14/04/1991	Xã Thanh Cường,Huyện Thanh Hà,Tỉnh Hải Dương		6.0	
37	Nguyễn Thị Huyền	28/12/1991	Xã Ninh Xá,Huyện Thuận Thành,Tỉnh Bắc Ninh		7.0	
38	Lê Thị Lan Hương	18/08/1991	Huyện Ứng Hoà,Tp. Hà Nội		7.5	
39	Nguyễn Thị Hương	17/01/1991	Xã Thanh Sơn,Huyện Thanh Hà,Tỉnh Hải Dương		5.0	
40	Hoàng Văn Khánh	14/01/1991	Huyện Lục Ngạn,Tỉnh Bắc Giang		5.5	
41	Phạm Thị Lan	16/02/1991	Xã Phượng Sơn,Huyện Lục Ngạn,Tỉnh Bắc Giang		6.5	
42	Dương Thuỳ Liên	19/05/1990	Xã Quảng Châu,Thị Xã Hưng Yên,Tỉnh Hưng Yên		7.0	
43	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	06/02/1991	Xã An Bình,Huyện Nam Sách,Tỉnh Hải Dương		4.0	
44	Phạm Thanh Long	20/11/1991	Xã Quang Lịch,Huyện Kiến Xương,Tỉnh Thái Bình		5.0	
45	Nguyễn Thị Lụa	29/11/1991	Xã Đức Chính,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương		4.5	
46	Hoàng Thị Mẫn	17/02/1991	Huyện Việt Yên,Tỉnh Bắc Giang		5.0	
47	Nguyễn Văn Minh	15/08/1991	Xã Nam Đồng,Huyện Nam Sách,Tỉnh Hải Dương		5.0	
48	Lê Văn Nam	01/02/1990	Phường Ngọc Châu,Thành Phố Hải Dương,Tỉnh Hải Dương		5.0	
49	Nguyễn Quang Nam	11/11/1991	Xã Tây Kỳ,Huyện Tứ Kỳ,Tỉnh Hải Dương		4.0	
50	Lê Thị Năm	10/01/1991	Xã Thanh Bính,Huyện Thanh Hà,Tỉnh Hải Dương		6.0	
51	Mai Thị Nguyệt	28/03/1991	Thị trấn Lai Cách,Huyện Cẩm Giàng,Tỉnh Hải Dương		6.5	
52	Nguyễn Văn Nhật	05/01/1990	Xã Phan Đình Phùng,Huyện Mỹ Hào,Tỉnh Hưng Yên		6.5	
53	Vũ Thị Hồng Nhung	24/06/1991	Phường Vũ Ninh,Thị Xã Bắc Ninh,Tỉnh Bắc Ninh		6.5	
54	Dương Thị Phúc	08/05/1991	Xã Trung Hoà,Huyện Yên Mỹ,Tỉnh Hưng Yên		5.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34B							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
55	Đào Thị Thành	30/05/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			5.0	
56	Nguyễn Thị Thơ	17/04/1991	Thị trấn Sao Đỏ, Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương			.0	
57	Lê Thị Thu	12/04/1990	Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			7.5	
58	Vũ Thị Thuận	17/01/1991	Xã Yên Hoà, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình			7.5	
59	Lê Thị Thuý	05/01/1991	Xã Hoằng Tân, Huyện Hoằng Hoá, Tỉnh Thanh Hóa			7.5	
60	Phạm Thị Thuý	26/05/1991	Xã Cẩm Văn, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			5.5	
61	Trần Thị Trang	22/10/1991	Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương			7.5	
62	Nguyễn Hữu Trọng	04/06/1990	Xã Lê Lợi, Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương			5.0	
63	Nguyễn Văn Trường	08/10/1988	Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương			6.0	
64	Lê Văn Tuấn	08/09/1991	Xã An Bình, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương			4.5	
65	Hoàng Thị Hồng Tuyết	03/07/1991	Xã Quang Phục, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			4.5	
66	Nguyễn Thị Tươi	12/03/1990	Xã Bảo Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			6.0	
67	Nguyễn Thị Vân	11/10/1991	Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			7.5	
68	Vũ Thị Hải Yến	08/12/1991	Xã Cẩm Định, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			7.0	
69	La Quý Mến	01/09/1991	Xã An Lập, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang			3.0	
70	Phan Thị Thơm	19/08/1991	Xã Tân Việt, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			7.5	
71	Trần Thị Thường	02/06/1989	Xã Khám Lạng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			7.0	
72	Trần Thị Lan	21/05/1990	Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên			4.5	
73	Vũ Anh Ngọc	04/03/1991	Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương			6.5	
74	Nguyễn Thị Trang	23/10/1991	Xã Cẩm Định, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			6.0	
75	Tạ Thị Huế	26/12/1991	Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương			6.0	
76	Lương Thị Thanh Huyền	07/08/1991	Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai			5.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

<i>Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34B</i>							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
77	Trần Thị Oanh	29/10/1991	Xã Vạn Phúc, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			5.0	
78	Nguyễn Thị Phương	16/10/1991	Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			5.0	
79	Nguyễn Thị Kim Loan	01/11/1990	Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ			5.5	
80	Nguyễn Thị Cúc	15/06/1990	Xã Thanh Sơn, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			5.5	
<i>Lớp: Trung cấp Xét nghiệm 32</i>							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
1	Trần Thuỳ An	10/10/1991	Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An			8.0	
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/03/1990	Xã Thạch Linh, Thị Xã Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh			6.5	
3	Phạm Vũ Huyền Anh	10/04/1991	Thị trấn Hạ Hoà, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ			6.0	
4	Trương Nguyễn Tú Anh	12/04/1991	Xã Nghi Xuân, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An			7.0	
5	Trương Vũ Anh	25/04/1991	Xã Đông Tâm, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			5.0	
6	Nguyễn Thị Biên	06/11/1991	Xã Kim Tân, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương			4.5	
7	Ngô Đức Cảnh	09/06/1986	Xã Vĩnh Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			5.0	
8	Trần Thanh Chinh	02/12/1991	Xã Tân Phú, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ			8.0	
9	Phạm Thị Dịu	17/08/1991	Xã Ngô Quyền, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương			6.0	
10	Lê Hoàng Đan	25/10/1991	Xã Ninh Thắng, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình			6.5	
11	Nguyễn Duy Đạt	30/01/1990	Phường Quang Trung, Thành Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			4.5	
12	Trịnh Thị Diễm	23/09/1991	Xã Phù Lương, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			7.5	
13	Lê Thị Định	01/03/1990	Xã Diễn Mỹ, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An			6.0	
14	Nguyễn Trà Giang	11/12/1991	Xã Sơn Lai, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình			8.5	
15	Trần Thị Giang	08/04/1991	Xã Hạp Lĩnh, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh			5.5	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Xét nghiệm 32							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
16	Hoàng Thu Hà	04/12/1991	Xã Đoan Hùng, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình			7.0	
17	Nguyễn Hồng Hải	08/08/1991	Phường Gia Cẩm, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ			8.0	
18	Nguyễn Hồng Hạnh	05/09/1991	Xã Tiên Cường, Huyện Tiên Lãng, Tp Hải Phòng			7.5	
19	Nguyễn Văn Hiếu	05/08/1991	Xã Trục Đại, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định			4.5	
20	Nguyễn Thị Phương Hoa	03/12/1991	Thị Xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			8.0	
21	Hà Văn Hoan	24/12/1990	Xã Vĩnh Hoà, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			7.0	
22	Phạm Văn Hoàng	20/02/1988	Xã Thiệu Ngọc, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hóa			6.0	
23	Nguyễn Thị Hồng	04/02/1991	Xã Tân Việt, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			5.5	
24	Trịnh Thị Huệ	20/01/1990	Xã Xuân Hồng, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định			7.5	
25	Phùng Ngọc Huệ	19/05/1991	Thị Trấn Hạ Hoà, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ			6.0	
26	Vũ Thị Huệ	10/07/1991	Xã Vĩnh Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			7.5	
27	Điêu Thị Lan Hương	26/09/1990	Xã Mường Chiên, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La			7.0	
28	Trịnh Viết Khiển	05/11/1991	Xã Đồng Tâm, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			6.0	
29	Trần Hoàng Luân	04/07/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			5.5	
30	Phan Thị Luyện	10/08/1991	Xã Gia Xuyên, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương			7.0	
31	Nguyễn Thị Lương	25/12/1991	Xã Liên Sơn, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang			8.0	
32	Lý Thị Lưu	14/12/1989	Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn			7.0	
33	Vũ Thị Mai	27/10/1991	Xã Dương Đức, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			8.0	
34	Vũ Thị Mai	04/02/1991	Xã Tân Việt, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			6.0	
35	Đoàn Văn Nam	01/05/1986	Phường Bắc Sơn, Thị Xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa			6.5	
36	Đặng Thị Nguyên	10/10/1991	Xã Sơn Hồng, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh			6.5	
37	Nguyễn Thị Nhân	02/10/1991	Xã Cẩm Chế, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			6.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Xét nghiệm 32						
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTNTN_CT	Xếp loại
38	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/11/1991	Xã Thanh Vinh,Thị Xã Phú Thọ,Tỉnh Phú Thọ		7.5	
39	Nguyễn Thị Oanh	02/04/1991	Xã Đại Đồng,Huyện Tứ Kỳ,Tỉnh Hải Dương		7.5	
40	Nguyễn Thị Kim Oanh	22/06/1990	Xã Chi Khê,Huyện Con Cuông,Tỉnh Nghệ An		6.0	
41	Phan Thị Mai Phương	22/12/1991	Xã Hưng Chính,Huyện Hưng Nguyên,Tỉnh Nghệ An		5.0	
42	Nguyễn Thị Phượng	12/12/1989	Xã Tam Di,Huyện Lục Nam,Tỉnh Bắc Giang		7.0	
43	Lương Thị Hà Quyên	12/12/1991	Xã Mường Giàng,Huyện Quỳnh Nhai,Tỉnh Sơn La		7.0	
44	Phạm Thị Quyên	15/05/1991	Xã Trưng Trắc,Huyện Văn Lâm,Tỉnh Hưng Yên		6.0	
45	Vũ Như Quý	09/01/1982	Xã Văn Giang,Huyện Ninh Giang,Tỉnh Hải Dương		6.0	
46	Nguyễn Thị Tâm	24/05/1990	Xã Phượng Mao,Huyện Quế Võ,Tỉnh Bắc Ninh		7.5	
47	Phạm Tiến Thành	30/12/1991	Xã Kim Phú,Huyện Yên Sơn,Tỉnh Tuyên Quang		7.0	
48	Ngô Thị Thơm	08/07/1990	Xã Đào Mỹ,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang		6.5	
49	Bùi Thị Thuận	14/05/1991	Phường Vàng Danh,Thị Xã Uông Bí,Tỉnh Quảng Ninh		7.0	
50	Bùi Duy Toàn	02/03/1991	Phường Bắc Sơn,Thị Xã Bim Sơn,Tỉnh Thanh Hóa		6.0	
51	Bế Thị Tuyết	28/02/1990	Xã Hùng Sơn,Huyện Trảng Định,Tỉnh Lạng Sơn		6.0	
52	Nguyễn Thị Tươi	04/07/1991	Xã Thanh Tùng,Huyện Thanh Miện,Tỉnh Hải Dương		8.5	
53	Hoàng Thị Vân	20/01/1990	Xã Thanh Mỹ,Huyện Thanh Chương,Tỉnh Nghệ An		8.0	
54	Quách Hải Yến	04/10/1989	Thị Trấn Nho Quan,Huyện Nho Quan,Tỉnh Ninh Bình		5.5	
55	Chu Thị Bích Nguyệt	18/02/1991	Xã Trung Tâm,Huyện Lục Yên,Tỉnh Yên Bái		7.0	
56	Hà Thị Vinh	01/05/1991	Xã Sơn Lương,Huyện Văn Chấn,Tỉnh Yên Bái		6.5	
57	Lý Minh Huệ	23/12/1991	Xã Việt Hồng,Huyện Trấn Yên,Tỉnh Yên Bái		6.5	
58	Nguyễn Thị Thanh Hoa	08/11/1991	Xã Minh An,Huyện Văn Chấn,Tỉnh Yên Bái		8.5	
59	Hoàng Thị Hiệu	15/08/1989	Xã Mỏ Vàng,Huyện Văn Yên,Tỉnh Yên Bái			

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Xét nghiệm 32							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
60	Nguyễn Thị Chang	05/02/1990	Xã Việt Hồng, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái			6.0	
61	Phạm Thị Vân Anh	07/02/1990	Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang			5.5	
62	Lưu Thị Thạo	29/11/1989	Xã Tân Văn, Huyện Bình Gia, Tỉnh Lạng Sơn			6.0	
63	Giàng Thị Cha	07/04/1990	Xã Lao Chải, Huyện Mù Căng Chải, Tỉnh Yên Bái			6.5	
64	Ngô Thị Lương	31/08/1990	Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội			8.0	
65	Lương Văn Thịnh	21/11/1989	Xã Quang Minh, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La			5.0	
66	Lò Thị Tiên	07/09/1988	Xã Mường Giôn, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La			5.5	
67	Hoàng Thị Thuỷ	15/11/1988	Xã Mường Giôn, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La			3.5	
68	Hà Thị Thông	23/12/1989	Xã Mường Do, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La			6.0	
69	Lò Thị Thiên	09/09/1991	Xã Mường Lang, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La			6.5	
70	Vàng A Sênh	16/05/1990	Xã Nong Lay, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La			5.0	
Lớp: Trung cấp Hình ảnh 26							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
1	Hà Việt Cường	28/08/1978	Xã Chân Mộng, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ			6.0	
2	Nguyễn Văn Giang	11/03/1989	Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên			6.0	
3	Ngô Văn An	28/08/1988	Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang			5.0	
4	Bùi Tuấn Anh	28/09/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			6.0	
5	Vũ Trung Anh	04/12/1989	Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh			7.0	
6	Nguyễn Văn Bình	12/04/1990	Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên			5.0	
7	Phạm Văn Bình	24/04/1989	Xã Tân Tiến, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương			6.0	
8	Nguyễn Văn Bun	26/03/1990	Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			7.5	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

<i>Lớp: Trung cấp Hình ảnh 26</i>							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
9	Nguyễn Duy Chính	02/02/1991	Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			4.5	
10	Nguyễn Văn Chung	10/10/1988	Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang			7.0	
11	Nguyễn Mạnh Cường	17/12/1990	Thị trấn Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo, Tỉnh Điện Biên			5.0	
12	Phạm Công Cường	25/05/1990	Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh			4.5	
13	Lương Minh Dân	03/08/1986	Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn			6.5	
14	Nguyễn Hùng Duy	24/06/1991	Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			7.5	
15	Nguyễn Khương Duy	22/10/1991	Xã Hưng Đạo, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			7.5	
16	Trần Việt Dũng	22/11/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			6.5	
17	Ngô Văn Định	30/08/1991	Thị Trấn Hoà Bình, Huyện Tương Dương, Tỉnh Nghệ An			6.0	
18	Dương Trường Giang	01/10/1991	Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			7.0	
19	Đinh Phú Hà	25/05/1990	Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương			6.0	
20	Đào Sỹ Hải	12/09/1990	Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình			6.5	
21	Dương Tiến Hạnh	22/12/1990	Thị Trấn Nông Trường Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang			6.5	
22	Nguyễn Thế Hiệp	03/07/1991	Phường Minh Khai, Thị Xã Hà Giang, Tỉnh Hà Giang			7.0	
23	Lương Minh Học	18/09/1989	Thị Trấn Văn Quang, Huyện Văn Quan, Tỉnh Lạng Sơn			7.0	
24	Đỗ Văn Huy	10/10/1985	Xã Quang Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình			6.0	
25	Nguyễn Quốc Huy	21/06/1991	Xã Phú Lâm, Huyện Yên Sơn, Tỉnh Tuyên Quang			5.0	
26	Nguyễn Tiến Huy	23/05/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			5.5	
27	Nguyễn Văn Huy	26/05/1987	Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			6.0	
28	Vũ Ngọc Huynh	21/10/1991	Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam			6.0	
29	Lê Quang Hùng	27/11/1988	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			8.0	
30	Ngô Quốc Hùng	01/02/1991	Huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng			6.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

<i>Lớp: Trung cấp Hình ảnh 26</i>							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
31	Lương Văn Hưng	24/12/1991	Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn			5.0	
32	Hoàng Văn Hường	25/11/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			6.0	
33	Nguyễn Văn Khải	10/10/1991	Xã Hưng Đạo, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			5.5	
34	Bùi Trung Kiên	14/09/1991	Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			4.5	
35	Nguyễn Hoàng Long	11/08/1991	Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai			6.5	
36	Trần Văn Ngọc	07/11/1991	Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			5.0	
37	Phạm Khắc Nguyên	28/12/1990	Xã Quang Phục, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			5.5	
38	Nguyễn Văn Nhiên	24/04/1991	Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương			6.5	
39	Nguyễn Đức Sỹ	09/02/1987	Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh			8.5	
40	Nguyễn Văn Tài	07/06/1987	Xã Quyết Thắng, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn			6.0	
41	Trần Ngọc Thanh	20/10/1991	Xã Mỹ Hà, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định			6.0	
42	Phạm Phú Thao	14/08/1991	Xã An Đức, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương			6.0	
43	Nguyễn Minh Thành	12/09/1991	Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương			4.5	
44	Phạm Tiến Thành	13/11/1991	Thị trấn Nà Phặc, Huyện Ngân Sơn, Tỉnh Bắc Cạn			4.5	
45	Hoàng Văn Thịnh	29/08/1990	Huyện Mường Ảng, Tỉnh Điện Biên			5.0	
46	Ngô Mạnh Thường	29/05/1991	TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			4.0	
47	Vũ Văn Tiến	14/08/1984	Huyện Tiên Lãng, Tp Hải Phòng			5.5	
48	Lê Minh Tuấn	10/12/1991	Quận Kiến An, Tp Hải Phòng			6.5	
49	Đoàn Huy Tùng	28/03/1991	Phường Quán Triều, Thành Phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên			3.0	
50	Nguyễn Thanh Tùng	19/12/1991	Xã Hợp Đức, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang			4.0	
51	Thào Xuân Trường	25/02/1990	Xã Púng Luông, Huyện Mù Căng Chải, Tỉnh Yên Bái			5.5	
52	Nguyễn Tôn Triệu	20/09/1988	Xã Phượng Hoàng, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			3.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Hình ảnh 26							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
53	Trịnh Văn Nguyên	27/11/1986	Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái			6.0	
54	Hoàng Quang Ngoạt	21/04/1991	Xã Khánh Thiện, Huyện Lục Yên, Tỉnh Yên Bái			8.0	
55	Ngô Văn Mạnh	15/07/1990	Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Tp Hà Nội			5.0	
56	Lương Văn Hưởng	07/10/1988	Xã Hát Lừu, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái			5.0	
57	Nguyễn Trọng Linh	21/04/1990	Xã Tây Hiếu, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An			5.0	
58	Phạm Ngọc Nam	02/12/1991	Xã Tân Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			7.0	
59	Nguyễn Duy Khánh	24/07/1991	Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			6.5	
60	Trần Tăng Quang	08/11/1991	Huyện Vĩnh Bảo, Tp Hải Phòng			5.0	
61	Bùi Quang An	25/09/1990	Xã Phú Thứ, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương			4.0	
62	Đinh Văn Dũng	05/02/1991	Xã Tạ Khoa, Huyện Bắc Yên, Tỉnh Sơn La			6.5	
63	Lê Anh Đức	17/04/1988	Xã Yên Tập, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ			3.5	
64	Giàng A Gư	08/07/1986	Xã Bản Mù, Huyện Trạm Tấu, Tỉnh Yên Bái			6.0	
65	Vàng A Giàng	09/03/1988	Huyện Bắc Yên, Tỉnh Sơn La			5.5	
66	Hà Văn Hải	06/03/1990	Xã Mường Giôn, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La			6.0	
67	Tòng Văn Hưng	30/06/1985	Xã Mường Lạn, Huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La			5.5	
68	Quảng Văn Nhó	12/10/1985	Xã Phông Lập, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La			6.0	
69	Nguyễn Anh Tiến	18/02/1987	Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương			5.0	
Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34D							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
1	Nguyễn Thị Bình	17/07/1985	Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang			8.5	
2	Dương Văn Cường	18/10/1990	Xã Lương Phong, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang			4.5	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

KỶ THI THANG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34D							
TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTTN	TN_CT	Xếp loại
3	Trần Thế Công	07/12/1988	Xã Ngọc Vân,Huyện Tân Yên,Tỉnh Bắc Giang			7.0	
4	Nguyễn Văn Dương	05/09/1986	Xã Yên Trung,Huyện Yên Phong,Tỉnh Bắc Ninh			6.0	
5	Vũ Tùng Dương	28/11/1989	Xã Hồng Khê,Huyện Bình Giang,Tỉnh Hải Dương			6.5	
6	Đào Văn Giới	20/02/1986	Xã Khám Lạng,Huyện Lục Nam,Tỉnh Bắc Giang			7.5	
7	Ong Thị Hương	01/04/1984	Xã Cảnh Thụy,Huyện Yên Dũng,Tỉnh Bắc Giang			8.5	
8	Vũ Thị Hường	02/02/1983	Xã Tân Thanh,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang			5.0	
9	Nguyễn Thị Minh Hải	01/12/1978	Huyện Yên Thế,Tỉnh Bắc Giang			8.0	
10	Đặng Thị Thuý Hằng	15/09/1986	Xã Yên Định,Huyện Sơn Động,Tỉnh Bắc Giang			7.5	
11	Lê Thị Hằng	22/08/1984	Xã Tiên Tân,Huyện Duy Tiên,Tỉnh Hà Nam			7.0	
12	Lê Văn Hồng	12/08/1991	Xã Bột Xuyên,Huyện Mỹ Đức,Tp. Hà Nội			6.0	
13	Trần Thị Thuý Hồng	25/12/1989	Thị Trấn Neo,Huyện Yên Dũng,Tỉnh Bắc Giang			3.0	
14	Trịnh Thị Hằng	08/07/1991	Xã Hương Lạc,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang			6.5	
15	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	28/07/1981	Xã Nhã Nam,Huyện Tân Yên,Tỉnh Bắc Giang			7.0	
16	Nguyễn Thị Hiền	02/12/1989	Xã Tân Sỏi,Huyện Yên Thế,Tỉnh Bắc Giang			8.5	
17	Nguyễn Thị Hiền	12/10/1990	Xã Việt Lập,Huyện Tân Yên,Tỉnh Bắc Giang			5.0	
18	Nguyễn Thị Hiền	20/08/1983	Phường Quang Trung,Thành Phố Hải Dương,Tỉnh Hải Dương			8.5	
19	Giáp Thị Như Hoa	06/09/1991	Phường Ngô Quyền,Thị Xã Bắc Giang,Tỉnh Bắc Giang			4.0	
20	Vũ Thị Hoàn	20/01/1987	Xã Liên Sơn,Huyện Tân Yên,Tỉnh Bắc Giang			8.0	
21	Lưu Thị Huệ	03/02/1991	Xã Tư Mại,Huyện Yên Dũng,Tỉnh Bắc Giang			7.0	
22	Nguyễn Thị Huế	14/04/1991	Xã Tư Mại,Huyện Yên Dũng,Tỉnh Bắc Giang			8.0	
23	Nguyễn Quang Huy	04/11/1990	Xã Thanh Hải,Huyện Lục Ngạn,Tỉnh Bắc Giang			6.0	
24	Hoàng Thị Huyền	04/05/1987	Xã Đại Lâm,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang			5.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011

Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34D

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTTNCT	Xếp loại
25	Nguyễn Thị Huyền	15/07/1990	Xã Xương Lâm,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang		7.0	
26	Phùng Văn Hùng	24/02/1979	Xã Quang Thịnh,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang		5.5	
27	Trần Thế Khang	23/06/1991	Xã Tân Liễu,Huyện Yên Dũng,Tỉnh Bắc Giang		7.0	
28	Nguyễn Thị Linh	06/08/1988	Xã Minh Hải,Huyện Văn Lâm,Tỉnh Hưng Yên		8.5	
29	Dương Thị Lan	28/06/1991	Xã Yên Phụ,Huyện Yên Phong,Tỉnh Bắc Ninh		7.5	
30	Nguyễn Thị Liên	04/12/1987	Xã Tân Dĩnh,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang		8.0	
31	Quách Thành Luân	13/07/1987	Xã Tân Tiến,Huyện Văn Giang,Tỉnh Hưng Yên		7.0	
32	Nguyễn Thị Luyến	05/10/1990	Xã Biển Động,Huyện Lục Ngạn,Tỉnh Bắc Giang		7.5	
33	Dương Thị Mai	26/04/1991	Xã Tiên Sơn,Huyện Việt Yên,Tỉnh Bắc Giang		7.5	
34	Dương Thị Mai	14/04/1990	Xã Long Xuyên,Huyện Kinh Môn,Tỉnh Hải Dương		6.0	
35	Nguyễn Văn Nam	20/11/1987	Xã Cao Dương,Huyện Thanh Oai,Tp. Hà Nội		7.0	
36	Vũ Thị Ngần	10/09/1989	Xã Tiên Nha,Huyện Lục Nam,Tỉnh Bắc Giang		7.5	
37	Hoàng Thị Nga	26/07/1991	Xã Tam Di,Huyện Lục Nam,Tỉnh Bắc Giang		8.0	
38	Nguyễn Thị Nhung	30/09/1990	Xã Yên Trung,Huyện Yên Phong,Tỉnh Bắc Ninh		7.0	
39	Nguyễn Thị Phương	15/08/1991	Xã Vĩnh Lập,Huyện Thanh Hà,Tỉnh Hải Dương		8.5	
40	Nguyễn Thị Phương	23/01/1985	Xã Đông Phúc,Huyện Yên Dũng,Tỉnh Bắc Giang		6.5	
41	Thân Thị Quỳnh	22/09/1991	Phường Song Mai,Thị Xã Bắc Giang,Tỉnh Bắc Giang		7.0	
42	Dư Văn Sáng	26/05/1989	Xã Hồng Giang,Huyện Lục Ngạn,Tỉnh Bắc Giang		6.5	
43	Nguyễn Thị Minh Tâm	20/10/1991	Xã Xương Lâm,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang		8.0	
44	Trần Thị Tâm	25/10/1990	Xã Vĩnh Long,Huyện Vĩnh Linh,Tỉnh Quảng Trị		7.5	
45	Phạm Thị Thắm	31/07/1988	Xã Tân Hưng,Huyện Lạng Giang,Tỉnh Bắc Giang		8.0	
46	Đào Thế Thắng	05/06/1990	Xã Bồ Hạ,Huyện Yên Thế,Tỉnh Bắc Giang		6.0	

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP

**KHOÁ HỌC 2009 - 2011
KỲ THI THÁNG 06 NĂM 2011**

Lớp: Trung cấp Điều dưỡng đa khoa 34D

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTK	TTTN	TN_CT	Xếp loại
47	Đặng Thị Thảo	09/07/1991	Xã Tư Mai, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang			8.0	
48	Nguyễn Thị Thành	11/12/1991	Phường Song Mai, Thị Xã Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang			7.5	
49	Lê Thị Thoa	15/03/1991	Xã Thái Hoà, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương			8.0	
50	Bùi Thị Thu	02/09/1991	Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			6.5	
51	Nguyễn Thị Trang	10/12/1990	Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang			5.5	
52	Vũ Thị Trang	04/01/1990	Xã Tân Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			7.5	
53	Vũ Thị Thu Trang	22/05/1991	Thị Trấn Lục Nam, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang			6.5	
54	Nông Thị Tuyết	03/09/1989	Xã Đồng Hưu, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang			5.0	
55	Nguyễn Thị Vân	03/03/1988	Xã An Hà, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			6.5	
56	Nguyễn Thanh Vân	17/04/1989	Xã Tân Hồng, Huyện Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh			6.5	
57	Đỗ Thị Yến	27/09/1985	Xã Tân Dĩnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang			8.0	

Tổng số: 351

Hải Dương, ngày 15 tháng 06 năm 2011

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG